TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 113/2025/DS-PT Ngày: 15/4/2025 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, hủy hợp đồng thế chấp, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà***: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 233/2024/DS-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 109/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (H1). Địa chỉ: số B N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Liêm E; sinh năm 1990 – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H. Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên lạc: Số A, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc M. Địa chỉ: Số F, Phạm Văn N, khu dân cư D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

2. Ông Ngô C, hộ khẩu thường trú: Số E, đường P, khóm C, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay đang lưu trú: Số F, Phạm Văn N, khu dân cư D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: số F, Phạm Văn N, khu dân cư D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

2. Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1979, cư trú: số A, khu vực A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

3. Ông Võ Hoàng Đ, cư trú: Tổ A, khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

4. Văn phòng C1 thành phố Cần Thơ (nay là Văn phòng C2), địa chỉ: số A, T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Phước D, sinh năm: 1996. (Vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1998. (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Số B khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

7. Bà Nguyễn Thị Hồng L. Địa chỉ: Số B khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Đã chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Hồng L:* Ông Nguyễn Phước D và bà Nguyễn Thị Minh T. Địa chỉ: Số B khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phước D và bà Nguyễn Thị Minh T:* Bà Nguyễn Ánh D1, sinh năm: 1952. Địa chỉ: số A, đường N, phường A (nay là phường T), quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn trình bày*:

Vào ngày 21/9/2011 Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển nhà Thành phố H - Chi nhánh C3 (nay là Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H) với bà Nguyễn Thị Mỹ N1 và ông Ngô C ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0184/11/HĐTDNH/CN và khế ước nhận nợ số 0184.01/11/KUNN ngày 22/9/2011. Theo hợp đồng thì Ngân hàng cho ông C và bà M vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 22/9/2011 đến ngày 22/9/2012), lãi suất vay trong hạn là 22,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh nhiều lần, lãi suất hiện tại đang áp dụng là 18,5%/năm. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (27,75%/năm). Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất diện tích 9.530m^2, (trong đó, đất T: 200m^2 , đất Q: 540m^2 , đất 2L: 8.790m^2) tại thửa đất số

168, 169, 170, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Cần Thơ nay là khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K108991, số vào sổ 000113.QSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Cần Thơ cấp cho ông Nguyễn Văn D2 vào ngày 14/4/1998, điều chỉnh biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H vào ngày 26/01/2011 theo hợp đồng thế chấp để vay vốn số 0151/HĐTC-BL/11 ngày 21/9/2011.

Khi nhận thế chấp phía Ngân hàng có tiến hành thẩm định giá quyền sử dụng đất, kiểm tra hiện trạng tài sản trên đất và Ngân hàng cũng biết trên đất có căn nhà xây cấp 4, cây trồng và các công trình xây dựng khác gắn liền trên đất nhưng do căn nhà chưa được công nhận quyền sở hữu nên phía Ngân hàng không có định giá căn nhà. Tại thời điểm thẩm định do bà Nguyễn Thị Thu H cho rằng toàn bộ tài sản trên đất là của bà H nên Ngân hàng không cần xác minh làm rõ, những tài sản này là của ai và ai đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc bà M và ông C trả nợ nhưng ông bà mới trả cho Ngân hàng được tổng cộng số tiền lãi là 116.287.084 đồng, chưa trả tiền vốn vay.

Tính đến ngày 16/12/2024, bà M và ông C còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H - Chi nhánh C3 số tiền vốn và lãi là 3.003.680.213 đồng (trong đó: tiền vốn vay là 650.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 25.775.693 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.237.964.585 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 89.939.935 đồng).

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

1/. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Ngô C phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H toàn bộ nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 16/12/2024 là 3.003.680.213 đồng (trong đó: tiền vốn vay là 650.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 25.775.693 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.237.964.585 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 89.939.935 đồng).

2/. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Ngô C phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 17/12/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3/. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Ngô C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để vay vốn số 0151/HĐTC-BL/11 ngày 21/9/2011 để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu độc lập của ông D và bà T thì phía Ngân hàng không đồng ý. Ngân hàng cũng không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết hậu quả về bồi thường thiệt hại trong trường hợp Toà án tuyên bố huỷ hợp đồng thế chấp trong cùng vụ án này.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất phía Ngân hàng đồng ý theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Về giá trị tài sản thế chấp phía Ngân hàng đồng ý với giá theo biên bản định giá tài sản ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Phía Ngân hàng không yêu cầu Toà án xem xét thẩm định và định giá lại tài sản nói trên.

** Bị đơn ông Ngô C và bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:*

Vào năm 2011, bà Nguyễn Thị Thu H cần tiền nên bà H đã nhờ ông Ngô C và bà Nguyễn Thị Ngọc M đứng tên vay tiền giùm cho bà H số tiền 650.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, còn bà H là người đứng ra bảo lãnh tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 168, 169, 170 tờ bản đồ số 04, diện tích: 9.530m^2 (trong đó đất T: 200m^2, đất Q: 540m^2, đất 2L: 8.790m^2) tọa lạc tại: ấp T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K108991, số vào sổ 000113, QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/04/1998 cho ông Nguyễn Văn D2, chỉnh lý biến động cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 26/01/2011. Toàn bộ số tiền vay do bà H sử dụng.

Sau khi vay từ ngày 22/09/2011 đến ngày 22/09/2022 bà H không đóng lãi đầy đủ theo quy định nên Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã kiện ông C và bà M tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng. Sau đó thì ông D2, bà L cũng kiện bà Phạm Thị Ngọc E1 và bà Nguyễn Thị Thu H tại Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía ông D2, bà L sẽ trả tiền cho bà Phạm Thị Ngọc E1. Đến nay Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T.

Nay ông C và bà M yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải có trách nhiệm trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H. Trường hợp bà H không có khả năng trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản của bà H tại thửa đất số 168, 169, 170, tờ bản đồ số 04, diện tích: 9.530m^2 (trong đó đất T: 200m^2, đất Q: 540m^2, đất 2L: 8.790m^2) tọa lạc tại: ấp T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 108991, số vào sổ 000113, QSD đất do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/04/1998 cho ông Nguyễn Văn D2, chỉnh lý biến động cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 26/01/2011.

** Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 21/02/2018 của bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Phước D, bà Nguyễn Thị Minh T và đơn yêu cầu độc lập bổ sung lập ngày 22/03/2024 của ông Nguyễn Phước D, bà Nguyễn Thị Minh T, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của ông D, bà T là bà Nguyễn Ánh D1 trình bày:*

Do cần tiền trị bệnh cho mẹ chồng và chị chồng nên vào ngày 03/02/2010, vợ chồng bà Nguyễn Thị Hồng L (đã chết năm 2019) và ông Nguyễn Văn D2 (đã chết năm 2015) được bà Nguyễn Thị Hồng P1 (tên gọi khác Nguyễn Thị T1) dẫn ông Nguyễn Văn S đến nhà vợ chồng bà L, ông D2 để cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo điều kiện là phải làm hợp đồng ủy quyền để ông S sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời gian là 05 năm trở lên thì tính mức lãi suất là 1,5%/tháng. Khi đó, vợ chồng bà L, ông D2 vay số tiền 20.000.000 đồng,

với lãi suất là 1,5%/tháng (thực tế bà L ông D2 nhận 18.000.000 đồng, ông S giữ lại 2.000.000 đồng để đóng lãi). Theo thỏa thuận miệng, khi nào vợ chồng bà L, ông D2 có tiền trả thì sẽ hủy bỏ hợp đồng ủy quyền và trả lại bằng khoán cho ông bà, việc đóng tiền lãi giao cho ông S nhận.

Ngày 10/02/2010, ông S dẫn vợ chồng bà L, ông D2 ra Văn phòng C4, thành phố Cần Thơ lập hợp đồng ủy quyền cho bà Phạm Thị Ngọc E1 (là em của ông S), khi đó, ông S giải thích là tiền của bà E1 đưa cho vợ chồng ông bà, ông S chỉ làm dùm cho bà E1. Khi ông bà ký tên vào hợp đồng, không có mặt của bà E1. Sau khi ký xong, ông S dẫn vợ chồng ông bà đến nhà nghỉ ở khu dân cư 586 làm biên nhận nhận số tiền 20.000.000 đồng (biên nhận do bà L viết), sau đó bà L giao biên nhận cho ông S giữ, sau đó, ông S mới giao tiền rồi ra về. Việc bà E1 đến Văn phòng công chứng ký tên vào lúc nào thì bà L không biết, Hợp đồng ủy quyền ông S giữ, không giao lại cho vợ chồng ông bà.

Khi bà L đặt vấn đề trả tiền và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T1 trả lời là hỏi lại bên bà H, bà E1 xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ai giữ.

Vào ngày 12/6/2015, bà P1 cùng chồng đến nhà bà L nhận tiền lãi, bà P1 yêu cầu phải đóng đủ tiền lãi là 15.900.000 đồng, thì một tháng sau sẽ trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L. Khi đó, bà L đã giao đủ số tiền 15.900.000 đồng cho bà P1 (việc giao tiền có làm biên nhận). Sau đó, bà L nhiều lần yêu cầu bà P1 giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L nhưng bà P1 không thực hiện.

Đến tháng 9/2017, khi Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ thông báo mời tham gia thẩm định phần đất thì bà L mới biết phần đất của bà bị bà E1 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H vào ngày 21/01/2011, và bà H đã thế chấp phần đất này cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H để bảo lãnh cho ông Ngô C và bà Nguyễn Thị Ngọc M vay số tiền 650.000.000 đồng. Hiện Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã khởi kiện ông Ngô C, bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị Thu H.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng là Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Văn D2 (do bà Phạm Ngọc E1 đại diện) và bên nhận chuyển nhượng là Nguyễn Thị Thu H vào ngày 21/01/2011 tại Văn phòng C1, thành phố Cần Thơ vợ chồng bà L không biết.

Khi làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H, cán bộ địa chính không vào thẩm định, kiểm tra đất, đến khi Ngân hàng nhận thế chấp cũng không vào thẩm định. Trên phần đất thế chấp có căn nhà cấp 4 do gia đình bà L quản lý, sử dụng từ trước năm 2010 cho đến nay. Hiện nay, trên phần đất này có mồ mã của ông, bà, cha, mẹ ông D và bà T. Phần đất này trước đây bà L đã cho ông Trần Thanh P thuê diện tích đất 4.000m^2 để trồng cam sành, phần còn lại bà L và ông Võ Hoàng Đ trồng cam sành. Tuy nhiên hiện nay ông P đã trả lại đất cho ông D, bà T và ông Đ cũng không còn hợp tác trồng cam và sử dụng diện tích đất trên nữa.

Đối với hợp đồng uỷ quyền ngày 10/02/2010, giữa bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Văn D2 với bà Phạm Thị Ngọc E1 và hợp đồng chuyển nhượng QSD đất ngày 21/01/2011 giữa bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Văn D2 do bà Phạm Thị Ngọc E1 đại diện với bà Nguyễn Thị Thu H đã được Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết tuyên bố vô hiệu.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất phía ông D, bà T đồng ý theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Về giá trị tài sản thế chấp phía ông D và bà T đồng ý với giá theo biên bản định giá tài sản ngày 28/9/2020 của Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Phía ông D và bà T không yêu cầu Toà án xem xét thẩm định và định giá lại tài sản nói trên.

Nay ông D và bà T yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy hợp đồng thế chấp để vay vốn số 0151/HDTC-BL/11, bên thế chấp bà Nguyễn Thị Thu H, bên vay bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Ngô C, bên nhận thế chấp Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố H – Chi nhánh C3, hợp đồng được Văn phòng C1 thành phố Cần Thơ công chứng hợp đồng ngày 21/9/2011.

- Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố H giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 108991, số vào sổ 000113.QSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 14/4/1998 cho ông Nguyễn Văn D2, chỉnh lý biến động cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 26/01/2011.

Phía ông D và bà T không đồng ý với yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng.

Ông D và bà T cũng không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết hậu quả về bồi thường thiệt hại trong trường hợp Toà án tuyên bố huỷ hợp đồng thế chấp trong cùng vụ án này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Vào năm 2011, do bà H cần tiền nên bà H đã nhờ ông Ngô C và bà Nguyễn Thị Ngọc M đứng tên vay tiền giùm cho bà H số tiền 650.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, còn bà H là người đứng ra bảo lãnh tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 168, 169, 170 tờ bản đồ số 04, diện tích: 9.530m^2 (trong đó đất T: 200m^2, đất Q: 540m^2, đất 2L: 8.790m^2) tọa lạc tại: ấp T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 108991, số vào sổ 000113, QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/04/1998 cho ông Nguyễn Văn D2, chỉnh lý biến động cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 26/01/2011. Toàn bộ số tiền vay do bà H sử dụng.

Sau khi vay từ ngày 22/09/2011 đến ngày 22/09/2022 bà H không đóng lãi đầy đủ theo quy định nên Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã kiện ông C và bà M tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng. Sau đó thì ông D2, bà L cũng kiện bà Phạm Thị Ngọc E1 và bà Nguyễn Thị Thu H tại Tòa án nhân dân

quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía ông D2, bà L sẽ trả tiền cho bà Phạm Thị Ngọc E1. Đến nay Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà T.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và bà Phạm Thị Ngọc E1 vì bà E1 đại diện cho bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Nguyễn Văn D2 đứng ra chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà H tại thửa đất số 168, 169, 170 tờ bản đồ số 04, diện tích: 9.530m^2 (trong đó đất T: 200m^2, đất Q: 540m^2, đất 2L: 8.790m^2) tọa lạc tại: ấp T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 108991, số vào sổ 000113, QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/04/1998 cho ông Nguyễn Văn D2, chỉnh lý biến động cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 26/01/2011.

- Bà H đồng ý trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tiền gốc và lãi, hiện nay bà H không có tài sản khác ngoài miếng đất này nên bà H đồng ý cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H phát mãi tài sản của bà H tại thửa đất số 168, 169, 170, tờ bản đồ số 04, diện tích: 9.530m^2 (trong đó đất T: 200m^2, đất Q: 540m^2, đất 2L: 8.790m^2) tọa lạc tại: ấp T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K108991, số vào sổ 000113, QSDD do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/04/1998 cho ông Nguyễn Văn D2, chỉnh lý biến động cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 26/01/2011.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng C2 trình bày:*

Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 511, quyển số 03/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/9/2011 giao kết giữa bên thế chấp bà Nguyễn Thị Thu H, bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố H - Chi nhánh C3, bên vay bà Nguyễn Thị Ngọc M, ông Ngô C đã được Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 thành phố C (nay là Văn phòng C2) công chứng theo đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu của các bên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Văn phòng C2 đề nghị được vắng mặt trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án nêu trên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P trình bày:*

Trước đây ông P có thuê đất của gia đình ông D và bà T để hợp tác trồng cây ăn trái cùng với ông Võ Hoàng Đ. Tuy nhiên, do cây trồng không có hiệu quả nên ông P chấm dứt hợp tác với ông Đ và đã trả đất cho ông D và bà Thư từ tháng 02 năm 2024. Hiện nay ông P không còn canh tác trên phần đất trên. Qua yêu cầu của Ngân hàng ông P không có ý kiến và yêu cầu gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hoàng Đ trình bày:*

Trước đây ông Đ có hợp tác với bà Nguyễn Thị Hồng L và ông Trần Thanh P để trồng cam trên phần đất tranh chấp. Tuy nhiên khoảng năm 2020 đến nay thì ông không còn hợp tác trồng cam với bà L và ông P nữa. Theo ông Đ được biết thì đến đầu năm 2024 ông P cũng trả đất cho gia đình bà L. Hiện nay ông Đ không

còn canh tác trên phần đất trên. Qua yêu cầu của Ngân hàng ông Đ không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 233/2024/DS-ST, ngày 19 tháng 12 năm 2024, đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 137, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 410, Điều 715 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Khoản 4, khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H: Buộc ông Ngô C và bà Nguyễn Thị Ngọc M trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 16/12/2024 là 3.003.680.213 đồng (trong đó: tiền vốn vay là 650.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 25.775.693 đồng; tiền lãi quá hạn là 2.237.964.585 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 89.939.935 đồng).

Kể từ ngày 17/12/2024 ông Ngô C và bà Nguyễn Thị Ngọc M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0184/11/HĐTDNH/CN ngày 21/9/2011, khế ước nhận nợ số: 0184.01/11/KUNN ngày 22/9/2011 cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H đối với yêu cầu: Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc M và ông Ngô C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để vay vốn số 0151/HĐTC-BL/11 ngày 21/9/2011 để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Hồng L là ông Nguyễn Phước D và bà Nguyễn Thị Minh T.

- Tuyên bố hợp đồng thế chấp để vay vốn số 0151/HĐTC-BL/11 ngày 21/9/2011 giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H, được Văn phòng C1 thành phố Cần Thơ (nay là Văn phòng C2) công chứng số 511, quyển số 03/2011/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/9/2011 vô hiệu.

- Buộc Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H giải chấp trả lại cho ông Nguyễn Phước D và bà Nguyễn Thị Minh T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K108991, số vào sổ 000113.QSDĐ do UBND huyện C, tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 14/4/1998 cho ông Nguyễn Văn D2, điều chỉnh biến động chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thu H ngày 26/01/2011.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 02/01/2025, nguyên đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Phước D và bà Nguyễn Thị Minh T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn vắng mặt, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng ông D và bà T giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo và cho rằng kháng cáo không cơ sở chấp nhận và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa các bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, ông P, ông Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, Văn phòng C2 có đơn đề nghị

xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người trên.

[3]. Xét kháng cáo của nguyên đơn về tính hợp pháp của hợp đồng thế chấp số 0151/HĐTC-BL/11 ngày 21/9/2011 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Thu H được lập thành văn bản, khi các bên tiến hành ký kết hợp đồng thế chấp đều dựa trên nguyên tắc tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng đều đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền nên hợp đồng thế chấp nêu trên là theo quy định tại khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H cho rằng khi nhận thế chấp Ngân hàng có tiến hành thẩm định giá quyền sử dụng đất, kiểm tra hiện trạng tài sản trên đất và cũng biết trên đất có căn nhà cấp 4, cây trồng và các công trình xây dựng khác gắn liền trên đất nhưng Ngân hàng đã không xác minh làm rõ, những tài sản này là của ai và Ngân hàng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khi nhận thế chấp thì những người đang trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản thế chấp là gia đình ông D2 và bà L biết được việc thế chấp tài sản này, ngoài ra tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho rằng những hình ảnh được chụp về tài sản thẩm định mà Ngân hàng cung cấp không phải là hiện trạng nhà của bà L, ông D2 nhưng Ngân hàng cũng không có ý kiến phản đối với lời trình bày trên.

[4]. Mặt khác, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2022/DS-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ và Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2023/DS-PT ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên bố hợp đồng uỷ quyền ngày 10/02/2010 giữa bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Văn D2 với bà Phạm Thị Ngọc E1 là vô hiệu và dẫn đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/01/2011 giữa bà Nguyễn Thị Hồng L, ông Nguyễn Văn D2 do bà Phạm Thị Ngọc E1 đại diện với bà Nguyễn Thị Thu H cũng vô hiệu theo, do các hợp đồng trên đã bị Tòa án tuyên vô hiệu nên bà H không phải là người sử dụng hợp pháp đối với quyền sử dụng đất nói trên và bà H cũng không có tư cách chủ thể để ký hợp đồng thế chấp với Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

[5]. Từ đó những căn cứ trên cho thấy Ngân hàng không phải là người thứ ba ngay tình theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và mục 1 Phần II của Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[6]. Do đó việc Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H yêu cầu trường hợp ông C và bà M không có khả năng trả nợ hoặc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H yêu cầu được quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để vay vốn số 0151/HĐTC-BL/11 ngày 21/9/2011 giữa bà Nguyễn

Thị Thu H với Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H để Ngân hàng thu hồi nợ là không có căn cứ, không được chấp nhận.

[7]. Từ những phân tích nêu trên cho thấy không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[8]. Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[10]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST, ngày 19/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H phải nộp 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008813 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, như vậy nguyên đơn đã nộp xong án phí.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố Sóc Trăng;

- Chi cục THADS Tp Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Quốc Định

Các thẩm phán **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Thúy Nga Nguyễn Văn Toàn Nguyễn Quốc Đ1

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 14 giờ 45 phút ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Phòng Nghị án Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đ1;

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy N2;

Ông Nguyễn Văn T2;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 75/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (H1). Địa chỉ: số B N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Liêm E; sinh năm 1990 – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển Thành phố H. Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên lạc: Số A, đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc M. Địa chỉ: Số F, Phạm Văn N, khu dân cư D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Ngô C, hộ khẩu thường trú: Số E, đường P, khóm C, phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay đang lưu trú: Số F, Phạm Văn N, khu dân cư D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, địa chỉ: số F, Phạm Văn N, khu dân cư D, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Trần Thanh P, sinh năm: 1979, cư trú: số A, khu vực A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Võ Hoàng Đ, cư trú: Tổ A, khu vực T, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

4. Văn phòng C1 thành phố Cần Thơ (nay là Văn phòng C2), địa chỉ: số A, T, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Ông Nguyễn Phước D, sinh năm: 1996.

6. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1998.

Cùng cư trú: Số B khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

7. Bà Nguyễn Thị Hồng L. Địa chỉ: Số B khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Đã chết).

- *Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị Hồng L:* Ông Nguyễn Phước D và bà Nguyễn Thị Minh T. Địa chỉ: Số B khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phước D và bà Nguyễn Thị Minh T:* Bà Nguyễn Ánh D1, sinh năm: 1952. Địa chỉ: số A, đường N, phường A (nay là phường T), quận N, thành phố Cần Thơ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Thống nhất 3/3 (không có ý kiến khác) như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 223/2024/DS-ST, ngày 19/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về án phí phúc thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H phải nộp 300.000 đồng, phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008813

ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, như vậy nguyên đơn đã nộp xong án phí.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào lúc 15 giờ 00 phút cùng ngày. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Thị Thúy Nga **Nguyễn Văn Toàn** **Nguyễn Quốc Định**